

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 444/2024/DS-ST

Ngày: 24/7/2024

V/v: Tranh chấp Hợp đồng

sử dụng thẻ tín dụng

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Diệu Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Hồ Bích Ngọc
- Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Sơn Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Lệ Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 233/2024/TLST-DS, ngày 10 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 8420/2024/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10388/2024/QĐST-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Số 2xx-2xx đường N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:** Ông Lã Ngọc M, sinh năm 1970 - Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số: 1144/2024/UQ-TGD ngày 21/02/2024). Địa chỉ: Số 1x/x/1x Tổ x, KP 2A, phường Đ, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Ông Bùi Trần Việt H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 3x D, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2024, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có ông Lã Ngọc M là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 22/10/2018, Ngân hàng TMCP S (Sau đây gọi tắt là nguyên đơn) và ông Bùi Trần Việt H (Sau đây gọi tắt là bị đơn) có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng (Áp dụng cho khách hàng cá nhân) và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Đơn vị phát hành thẻ) - Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, nguyên đơn đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng số thẻ 526830-66xx với hạn mức sử dụng là: 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 780.885.989 (Bảy trăm tám mươi triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi chín) đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thanh toán cho nguyên đơn số tiền là: 760.985.211 (Bảy trăm sáu mươi triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm mười một) đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện Hải hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 23/01/2022 nguyên đơn đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ tín dụng và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng). Nguyên đơn đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là: 32.093.870 (Ba mươi hai triệu không trăm chín mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi) đồng làm nợ gốc và tính lãi hàng tháng trên dư nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng x 150%= 3,9%/tháng lãi quá hạn).

Mặc dù nguyên đơn đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông H, yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời tạo điều kiện về mặt thời gian để ông H trả nợ, tuy nhiên ông H vẫn

chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho nguyên đơn, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Ngân hàng TMCP S yêu cầu ông Bùi Trần Việt H:

Thanh toán ngay cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 24/7/2024 là 70.312.148 (Bảy mươi triệu ba trăm mười hai nghìn một trăm bốn mươi tám) đồng trong đó:

- Nợ gốc: 32.093.870 (Ba mươi hai triệu không trăm chín mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi) đồng

- Lãi quá hạn: 38.218.278 (Ba mươi tám triệu hai trăm mười tám nghìn hai trăm bảy mươi tám) đồng

Ông Bùi Trần Việt H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 25/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

*Bị đơn vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử nên không nộp tài liệu, chứng cứ nào tại Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, không có ý kiến đối với nội dung vụ án, đã được tòa án thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không có yêu cầu phản tố.*

*Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/7/2024, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

*Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

- Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hiệu khởi kiện, việc thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử và thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc tổng đạt các văn bản tố tụng là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 97, Điều 171, Điều 203 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đảm bảo nguyên tắc công khai, độc lập, khách quan, trực tiếp, bằng lời nói và đúng trình tự, thủ tục quy định tại các Điều 12, 14, 15, 237, 239, 250 và 260 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 227 và 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự và Hội đồng xét xử: Trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa, các đương sự và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến về việc giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ thực tế, căn cứ vào khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự 2015, căn cứ Điều 91, Điều 95 Luật tổ chức tín dụng 2010 xét thấy có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

#### **[1] Về pháp luật tố tụng:**

Ngân hàng TMCP S khởi kiện yêu cầu ông Bùi Trần Việt H trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 22/10/2018 (Bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng (Áp dụng cho khách hàng cá nhân) và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Đơn vị phát hành thẻ) - Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Đây là vụ án dân sự do tranh chấp phát sinh trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng. Bị đơn - ông Bùi Trần Việt H có địa chỉ cư trú tại Quận 1 nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 22/7/2024, bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

#### **[2] Về pháp luật nội dung:**

##### **2.1. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:**

Xét, ông Bùi Trần Việt H và Ngân hàng TMCP S có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 22/10/2018 (Bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng (Áp dụng cho khách hàng cá nhân) và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Đơn vị phát hành thẻ) - Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông H, nguyên đơn đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng số thẻ 526830-66xx với hạn mức sử dụng là: 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 780.885.989 (Bảy trăm tám mươi triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi chín) đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông H đã thực hiện các giao dịch thanh toán nhưng mới thanh toán lại một phần khoản nợ cho nguyên đơn số tiền là: 760.985.211 (Bảy trăm sáu mươi triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm mười một) đồng.

Từ ngày 23/4/2022 cho đến nay, bị đơn đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn theo thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng đã ký dẫn đến phát sinh nợ quá hạn, gây thiệt hại cho nguyên đơn.

Xét việc bị đơn đã thực hiện các giao dịch thanh toán theo Thẻ tín dụng số thẻ 526830-66xx như thỏa thuận đã ký trong Hợp đồng tín dụng nhưng mới thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn nên yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

## 2.2. Xét việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi do chậm thanh toán:

Xét thấy, bị đơn đã thực hiện các giao dịch thanh toán theo Thẻ tín dụng số thẻ 526830-66xx như thỏa thuận đã ký trong Hợp đồng tín dụng nhưng mới thực hiện một phần nghĩa vụ thanh toán lại cho nguyên đơn, khoản tiền nợ còn lại bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán thỏa thuận trong hợp đồng đã ký.

Căn cứ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 22/10/2018 (Bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng (Áp dụng cho khách hàng cá nhân) và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Đơn vị phát hành thẻ) - Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) và Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất đối với khoản tiền bị đơn đã sử dụng theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

## 2.3. Xét phương thức và thời gian thanh toán:

Xét mặc dù bị đơn đã sử dụng dịch vụ thanh toán thẻ và nguyên đơn đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán từ tháng 04/2022 đến nay và đối chiếu quy định pháp luật tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn (Tạm tính đến ngày 24/7/2024) là: 70.312.148 (Bảy mươi triệu ba trăm mười hai nghìn một trăm bốn mươi tám) đồng trong đó:

- Nợ gốc: 32.093.870 (Ba mươi hai triệu không trăm chín mươi ba nghìn tám trăm bảy mươi) đồng.

- Lãi quá hạn: 38.218.278 (Ba mươi tám triệu hai trăm mười tám nghìn hai trăm bảy mươi tám) đồng.

- Kể từ ngày 25/7/2024, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 22/10/2018 (Bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng (Áp dụng cho khách hàng cá nhân) và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Đơn vị phát hành thẻ) - Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp

luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S:

Buộc bị đơn ông Bùi Trần Việt H phải trả ngay một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tổng số tiền bị đơn còn thiếu nguyên đơn (tạm tính đến ngày 24/7/2024) phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 22/10/2018 (Bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng (Áp dụng cho khách hàng cá nhân) và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Đơn vị phát hành thẻ) - Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) là: 70.312.148 (Bảy mươi triệu, ba trăm mười hai nghìn, một trăm bốn mươi tám) đồng trong đó:

- Nợ gốc: 32.093.870 (Ba mươi hai triệu, không trăm chín mươi ba nghìn, tám trăm bảy mươi) đồng.

- Lãi quá hạn: 38.218.278 (Ba mươi tám triệu, hai trăm mười tám nghìn, hai trăm bảy mươi tám) đồng.

Kể từ ngày 25/7/2024, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo mức lãi suất nợ quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng ngày 22/10/2018 (Bao gồm Giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kèm hợp đồng (Áp dụng cho khách hàng cá nhân) và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng Thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Đơn vị phát hành thẻ) - Các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Các bên thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Bùi Trần Việt H phải chịu án phí là: 3.515.607 (Ba triệu, năm trăm mười lăm nghìn, sáu trăm lẻ bảy) đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.572.141 (Một triệu, năm trăm bảy mươi hai nghìn, một trăm bốn mươi một) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23P, số: 0038136 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày đương sự nhận hoặc được tổng đạt, niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Diệu Linh**